**Mẫu bài dự thi tìm hiểu lịch sử 125 năm ngày Thành lập tỉnh Trà Vinh và 50 năm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?**

**Câu 1 (05 điểm): Trình bày nguồn gốc tên gọi “Trà Vinh”. Nêu khái quát về lịch sử hình thành và quá trình thay đổi về địa giới hành chính của tỉnh Trà Vinh từ khi thành lập (năm 1900) cho đến nay?**

Trải qua những thăng trầm vì bị chi phối bởi những quy luật kiến tạo địa chất cùng những lần "biển tiến, biển lùi", vùng đất có tên gọi "Trà Vang" - tiền thân của tỉnh Trà Vinh sau này đã được hình thành từ lâu đời. Vào thời kỳ đó, Trà Vinh vẫn còn là một vùng đất rất hoang vu, các loại cây rừng trùm lên những giồng đất, những đầm lầy và sông rạch chằng chịt, dân cư thưa thớt.

Vào thế kỷ XVII, các quốc gia phong kiến như Việt Nam, Trung Quốc, Campuchia….trong bối cảnh chung của thế giới đã không tránh khỏi sự khủng hoảng và suy yếu. Ở Việt Nam, cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn (1627-1673) đã chia cắt đất nước thành hai xứ: Đàng trong và Đàng ngoài (lấy sông Gianh làm ranh giới). Điều này đã làm cho hàng vạn nông dân lâm vào thảm họa bị tiêu diệt, phải đi tìm cõi sống ở Phương Nam.

Trước thực tế khách quan đó, vào cuối thế kỷ thứ XVII, các Chúa Nguyễn đã chủ động tổ chức di dân người Việt vào vùng đất Nam bộ, thực thi những chính sách chiêu mộ lưu dân và đưa quân đội vào Nam khai phá đất đai. Cùng với người Việt và người Khmer, người Hoa cũng được Chúa Nguyễn tạo điều kiện để cùng nhau khai phá và định cư trên vùng đất phía Nam này, trong đó có vùng đất Trà Vinh.

Như vậy, vùng đất Trà Vinh, con đẻ của Biển Đông và sông Cửu Long, một vùng đất chứa đựng một hệ sinh thái đa dạng cùng với nhiều tiềm năng kinh tế khác nhau, vào thế kỷ thứ XVII đã có chủ nhân là một cộng đồng dân cư đa dân tộc (Việt, Khmer, Hoa…). Sự hình thành một cộng đồng dân cư đa dân tộc trên vùng đất này là một trong những sự kiện lịch sử có ý nghĩa cực kỳ trọng đại đối với sự hình thành và phát triển của tỉnh Trà Vinh sau này.

Sự hình thành và phát triển của tỉnh Trà Vinh có thể được chia thành 2 giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: từ năm 1732 đến năm 1900.

Vùng đất và tên gọi "Trà Vang", tiền thân của tỉnh Trà Vinh sau này đã có từ trước khi Chúa Nguyễn lập Châu Định Viễn, dựng Dinh Long Hồ vào năm 1732. Như vậy, lúc bấy giờ đất Trà Vinh thuộc Châu Định Viễn.

Năm 1802, sau khi lên ngôi, Vua Gia Long bắt tay ngay vào việc sắp xếp và phân định lại ranh giới các đơn vị hành chính trên toàn quốc. Từ đó, Gia Định phủ được đổi thành Gia Định Trấn. Lãnh thổ Gia Định Trấn được phân chia thành 4 dinh và 1 trấn phụ, vùng đất Trà Vinh lúc này thuộc Dinh Vĩnh Trấn.

Năm 1803, Vua Gia Long cho lập địa đồ các dinh thuộc Gia Định Trấn và đổi Dinh Vĩnh Trấn thành Dinh Hoằng Trấn. Vùng đất Trà Vinh lúc này thuộc Dinh Hoằng Trấn.

Năm 1808, Gia Long đổi Gia Định Trấn thành Gia Định Thành, Dinh  Vĩnh Trấn được đổi thành Trấn Vĩnh Thanh. Lúc bấy giờ, vùng đất Trà Vinh thuộc Trấn Vĩnh Thanh.

Năm 1825, vùng đất Trà Vinh được Vua Minh Mạng lập thành Phủ Lạc Hóa trực thuộc Gia Định Thành gồm hai huyện Trà Vinh và Tuân Mỹ.

Đến năm 1832, Trấn Vĩnh Thanh được đổi tên là Trấn Vĩnh Long. Sau đó, Vua Minh Mạng cho đổi các trấn thành tỉnh. Vùng đất Nam Bộ được chia thành sáu tỉnh, gọi là "Nam Kỳ lục tỉnh" gồm: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Lúc này, Trà Vinh là một huyện thuộc Phủ Lạc Hóa tỉnh Vĩnh Long.

Năm 1876, Thống đốc Nam Kỳ ra nghị định phân chia toàn bộ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn. Trên cơ sở phân chia đó, khu vực hành chính lớn Vĩnh Long gồm 4 tiểu khu: Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, Sa Đéc. Tiểu khu Trà Vinh là tiền thân của tỉnh Trà Vinh sau này.

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông Dương Doumer ký nghị định đổi tên gọi tiểu khu thành tỉnh. Từ đây Nam Kỳ lục tỉnh cũ được phân chia lại thành 10 tỉnh mới, tỉnh Vĩnh Long cũ được tách ra thành 3 tỉnh mới: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh. Nghị định này được chính thức thi hành từ ngày 1/1/1900. từ đây, tên tỉnh Trà Vinh được sử dụng chính thức trên các văn bản tiếng Pháp là Province de Trà Vinh.

Giai đoạn 2: từ năm 1900 đến năm 1992.

Từ 1/1/1900, tên gọi tỉnh Trà Vinh được sử dụng chính thức cho đến tháng 5/1951, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Cục , Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ đã ban hành Nghị định số 174/NB-51 ngày 27/6/1951 về việc sáp nhập 20 tỉnh Nam Bộ thành 11 tỉnh. Theo đó, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh được sáp nhập lại thành 1 tỉnh Vĩnh Trà.

Từ năm 1954 đến năm 1960, Mỹ - Diệm đã tiến hành phân chia lại địa giới hành chính các tỉnh miền Nam. Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, hai huyện Cầu Kè và Tiểu Cần được tách ra, ghép với hai huyện Trà Ôn và Tam Bình của Vĩnh Long để thành lập một tỉnh mới là tỉnh Tam Cần (theo Sắc lệnh số 16-NV ngày 9/2/1956) và tách một phần đất của huyện Cầu Ngang để thành lập một quận mới là quận Long Toàn (theo Sắc lệnh số 143-NV ngày 22/10/1956). Đầu năm 1957, Ngô Đình Diệm đổi tên tỉnh Trà Vinh thành tỉnh Vĩnh Bình. Tỉnh Tam Cần thành lập được gần một năm thì giải thể, ba quận của tỉnh Tam Cần và quận Vũng Liêm (của tỉnh Vĩnh Long) được sáp nhập vào tỉnh Vĩnh Bình (theo Nghị định số 3-ND/HC/ND ngày 3/1/1957).

Thực hiện Nghị quyết số 245-NQ/TW ngày 20/9/1975 của Bộ Chính trị về việc bỏ khu hợp tỉnh và Nghị quyết số 19/NQ ngày 20/12/1975 của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam Việt Nam; tháng 2/1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành nghị định về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo nghị định này ở miền Nam có 21 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh được sáp nhập thành tỉnh Cửu Long.

Kỳ họp thứ 10, Quốc  hội khóa VIII đã ra quyết định tách tỉnh Cửu Long thành 2 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh. Ngày 5/5/1992 tỉnh Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động và phát triển cho đến ngày nay.

Hiện nay, tỉnh Trà Vinh là một trong 13 tỉnh thành ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, nằm về phía hạ lưu giữa sông Tiền và sông Hậu, giáp với biển Đông. Nhìn một cách tổng thể, Trà Vinh có dạng như một hình tứ giác với diện tích đất tự nhiên là 2.288.09 km2 với dân số là 1.012.648 người (số liệu của Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2011).

Địa giới hành chính của tỉnh Trà Vinh được phân chia thành 8 đơn vị bao gồm: thành phố Trà Vinh và 7 huyện (Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải, Châu Thành). Tỉnh Trà Vinh là địa bàn cộng cư của 3 dân tộc chính là Kinh, Khmer, Hoa và một số ít các dân tộc khác. Trong đó, người Kinh có tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu dân số của tỉnh với 684.119 người chiếm 67,5% dân số của tỉnh. Ngoài ra, tỉnh Trà Vinh còn là nơi có đồng bào Khmer sinh sống đông thứ 2 ở Đồng bằng sông Cửu Long cũng như cả nước sau tỉnh Sóc Trăng. Đồng bào Khmer ở Trà Vinh có 320.292 người (chiếm 31,63%). Bên cạnh đó còn có người Hoa và một số đồng bào khác như Chăm, Dao…có tổng số là 8.237 người chiếm 0,81% dân số của tỉnh.

Chúng ta biết rằng từ xa xưa, trên đất Trà Vinh đã hình thành nên truyền thống đoàn kết gắn bó keo sơn. Đó là thành quả của quá trình cộng cư ngày một đông đảo, phát triển sự gần gũi và đoàn kết của quan hệ dân tộc Việt, Khmer, Hoa trong việc khai hoang mở đất. Nhưng đồng thời với việc mở mang ruộng đất đó là sự hình thành và lớn dần của mâu thuẫn giai cấp, cùng với những biến động trong xã hội Việt Nam dưới triều Nguyễn vào những năm 40 - 50 của thế kỷ XIX. Đó là thời kỳ tình hình xã hội rất phức tạp và nhiều cuộc nổi dậy liên tiếp của nông dân đều bị quân triều đình dập tắt, thúc đẩy những mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt.

Tuy vậy, từ cuối thập kỷ thứ năm của thế kỷ XIX, trước tai họa ngoại xâm và nguy cơ mất nước, đồng bào các dân tộc Trà Vinh đã tạm gác những mâu thuẫn với chính quyền phong kiến để tập trung chống Pháp. Từ đây, lịch sử Trà Vinh bước sang trang mới, mở đầu thời kỳ chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngay khi thực dân Pháp đặt chân xâm lược lên vùng đất Trà Vinh này, thì ngay lập tức chúng đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của nhân dân Trà Vinh dưới ngọn cờ của Trương Định, Thủ khoa Huân, Võ Duy Dương, Đề Triệu,… Mặc dù các cuộc khởi nghĩa ấy đều thất bại và tổn thất nhiều về người và của, song cũng như cả nước, nhiều người con của Trà Vinh bất khuất vẫn không sợ hy sinh, không nản chí, mà nhẫn nại tìm tòi phương cách hoạt động khác để chống xâm lăng. Các hoạt động yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược và bọn tay sai ở Trà Vinh trong 3 thập niên đầu thế kỷ XX diễn ra theo hai hướng:

+ Một hướng là các phong trào mang tính chất nông dân và tiểu tư sản, tiêu biểu như cuộc ám sát hai tên thực dân Pháp do thầy Thông Chánh thực hiện; phong trào Duy Tân; phong trào Đông Du, phong trào Đông kinh nghĩa thục, phong trào Thiên địa hội…

+ Hướng còn lại là các phong trào mang tính chất cộng sản, ảnh hưởng vào Trà Vinh từ trước năm 1920 với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga. Trong thời gian này, tại Bình Đông (thuộc quận Tám thành phố Hồ Chí Minh ngày nay), Tôn Đức Thắng cùng 17 đồng chí, trong đó có một người con của Trà Vinh là Dương Quang Đông đã thành lập ra tổ chức Công Hội Đỏ.

Với tình yêu quê hương đất nước và tài năng sáng tạo cách mạng của tuổi trẻ, Dương Quang Đông về Trà Vinh xúc tiến việc thành lập tổ chức "Thanh niên đỏ". Tổ chức này lần lượt ra đời tại Cầu Ngang, tỉnh lỵ Trà Vinh và Càng Long, đây cũng chính là những chiếc nôi hình thành các Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên của tỉnh Trà Vinh vào năm 1930. Mùa xuân năm 1930, Tỉnh ủy Trà Vinh ra đời, và đến năm 1945, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và các Huyện ủy, nhân dân Trà Vinh đã vùng lên tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi vào ngày 25/8/1945.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là mốc lịch sử đánh dấu sự mở đầu vĩ đại cho chặng đường mới trong tiến trình phát triển của tỉnh Trà Vinh, nhưng cuộc hành trình lịch sử này vừa mới bắt đầu thì thực dân Pháp và các thế lực phản động lại điên cuồng chống phá. Chiến tranh bùng nổ rồi lan dần trên khắp xứ sở Trà Vinh vào cuối mùa thu năm 1945, tuy nhiên kẻ thù đã không thể đè bẹp được ý chí bất khuất của những người cộng sản cùng sức mạnh yêu nước của đồng bào các dân tộc ở Trà Vinh hàng trăm năm sống gần gũi bên nhau trên mảnh đất này.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh và chính quyền cách mạng, nhân dân Trà Vinh đã làm nên những chiến công vang dội như trận La Bang (16/12/1948); chiến dịch Cầu Kè (1949); chiến dịch Trà Vinh (1950)…góp phần cùng cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, buộc Pháp phải ký Hiệp định Geneve, rút quân về nước.

Hoàn thành xong nhiệm vụ đánh Pháp, quân dân Trà Vinh lại tiếp tục cùng cả nước thực hiện nhiệm vụ đuổi Mỹ ra khỏi bờ cõi của Tổ quốc. Trong kháng chiến chống Mỹ, đồng bào các dân tộc ở Trà Vinh đã vượt qua muôn vàn thử thách, một lòng theo Đảng, góp phần cùng nhân dân miền Nam đánh bại hoàn toàn các chiến lược chiến tranh do Mỹ đề ra (chiến tranh đơn phương; chiến tranh đặc biệt; chiến tranh cục bộ, Việt Nam hóa chiến tranh), làm nên những chiến công vang dội như Đồng Khởi (1960); Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 (với chiến thắng đó, quân dân Trà Vinh được Đảng và Nhà nước khen tặng Huân chương Thành đồng hạng nhất và lá cờ vẻ vang với tám chữ vàng: "toàn dân nổi dậy, đoàn kết lập công".)…

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết (27/1/1973), Mỹ rút quân về nước, nhân dân Trà Vinh cùng nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục đánh đổ chính quyền Ngụy giành độc lập dân tộc thống nhất nước nhà. Với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ngày 30 tháng 4 năm 1975 miền Nam đã hoàn toàn giải phóng. Ngày 30 tháng 4 đã đi vào lòng mỗi người dân Việt Nam nói chung và nhân dân Trà Vinh nói riêng như một mốc son chói lọi về một ngày toàn thắng thống nhất Tổ quốc, cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày hòa bình thống nhất, Trà Vinh cùng cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng. Thi hành Quyết định của Quốc hội khóa VIII, tháng 5/1992 tỉnh Trà Vinh được tái lập cùng với 12 tỉnh thành trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long tiến lên xây dựng và phát triển kinh tế. Cộng đồng các dân tộc ở Trà Vinh luôn phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, truyền thống anh hùng trong kháng chiến ngày đêm ra sức lao động xây dựng cuộc sống mới, xây dựng quê hương đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, Trà Vinh có 18.374 liệt sĩ; 987 bà mẹ Việt Nam anh hùng cùng 61 đơn vị, địa phương được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang.

Là một tỉnh nghèo với kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, có xuất phát điểm thấp nhưng Đảng bộ và quân dân Trà Vinh đã không ngừng nỗ lực đưa tỉnh nhà phát triển bền vững trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng.... Ngày xưa, trong chiến đấu nhân dân Trà Vinh đã không tiếc máu xương của mình, anh dũng ngã xuống để đổi lấy hòa bình cho đất nước với những tấm gương tiêu biểu như Nguyễn Thị Út (Út Tịch), Kiên Thị Nhẫn, Hồ Thị Nhâm, đồng chí Phạm Thái Bường, Hồ Đức Thắng… Còn ngày hôm nay, trong lao động sản xuất, Trà Vinh lại có những con người cần cù, sáng tạo, năng động, hăng say và hết mình trong công việc. Vượt qua thử thách đói nghèo, họ đã cống hiến sức mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ thành quả mà ông cha ta đã giành được. Tiêu biểu như cặp vợ chồng thương binh "hai nửa của một danh hiệu anh hùng" Lê Văn Lục và Cam Thị Cúc; hay "vua măng cụt" Lưu Văn Nhiều; nhà "sáng chế chân đất" Trần Văn Dũng; "vua lúa giống" Dương Văn Châu….

Trong chiến tranh, nhân dân Trà Vinh cùng nhân dân cả nước đã chiến thắng những kẻ thù xâm lược hùng mạnh. Trong hòa bình, nhân dân Trà Vinh lại một lần nữa sẽ chiến thắng, đó là chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu. Đồng bào các dân tộc ở Trà Vinh đã phát huy truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo để vùng đất mà họ khai phá từ những thế kỷ trước dần 'thay da đổi thịt", vững vàng cùng cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, con đường mà Đảng ta đã sáng suốt lựa chọn.

**Câu 2 (10 điểm): Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định “…thanh toán nạn mù chữ là một trong những việc cấp bách và quan trọng của nhân dân các nước dân chủ mới” (trích trong bài viết “Kỷ niệm 10 năm bình dân học vụ”, bút danh “C.B”, đăng trên Báo Nhân dân, số 554, ngày 08/9/1955, tr.2). Anh (chị) hãy cho biết diễn biến của phong trào bình dân học vụ trong kháng chiến chống thực dân Pháp tại Trà Vinh (1945 - 1954).**

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa xây dựng nền giáo dục mới, các địa phương coi việc xây dựng nền giáo dục mới, xác định thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân là một trong ba nhiệm vụ trọng tâm lúc này; đồng thời hưởng ứng lời kêu gọi toàn dân“Chống nạn thất học” ngày 14-10-1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ, hãy góp sức vào bình dân học vụ, như các anh chị em trong sáu, bảy năm nay đã gây phong trào truyền bá quốc ngữ, giúp đồng bào thất học. Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi*...*”21, một phong trào chống giặc dốt được phát động rộng rãi trong cả nước, khắp nơi có khẩu hiệu “Tiền tuyến diệt xâm lăng, hậu phương trừ giặc dốt”, “Thêm một người đi học là thêm một viên gạch xây nền độc lập của nước nhà”… Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhiệm vụ chống “giặc dốt” đã nhanh chóng thấm sâu vào tâm trí của mọi người dân, làm thức dậy lòng tự tôn dân tộc. Mọi người thấy rõ trách nhiệm của mình là phải nhanh chóng biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ.

Ngày 14-9-1945, Chính phủ ban hành Nghị định bãi bỏ tất cả các loại học phí và lệ phí thi cử ở tất cả các bậc học22. Đây là một quyết tâm rất lớn trong việc giải quyết vấn đề tài chính cho công tác bình dân học vụ vì ngân sách dành cho bình dân học vụ rất ít, chỉ có 2 triệu đồng để chi cho các khoản23, vì vậy bình dân học vụ phải dựa vào sức mạnh của nhân dân để tiến hành công việc. Chính phủ cũng quy định việc học là bắt buộc đối với tất cả những người không biết chữ. Từ 8 tuổi trở lên nếu không biết đọc biết viết thì sẽ bị phạt tiền24.

Ngày 18-6-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp ký quyết định về kinh phí cho các hoạt động bình dân học vụ ở các địa phương và Thông tư số 1713NV/CP quy định tất cả các xã phải lập ra Quỹ Bình dân học vụ với số tiền không dưới 1.000 đồng/năm.

Ngày 12-9-1945, Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Vũ Đình Hòe gửi Thông tư về việc hành chính trong phạm vi Bộ Quốc gia Giáo dục tại các tỉnh Bắc Bộ và yêu cầu Chủ tịch UBND các tỉnh Bắc Bộ thực hiện chỉ thị về các vấn đề nguyên tắc (bỏ học quan, bắt buộc học chữ Quốc ngữ, cải cách chương trình học...) theo các Sắc lệnh của Chính phủ và Nghị định của Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục; Thực hành các Huấn lệnh và Thông tư của Giám đốc Trung học vụ, Giám đốc Tiểu học vụ (tức là Giám đốc Nha học chính Bắc Bộ), Giám đốc Bình dân học vụ25; đồng thời, ấn định Ủy viên giáo dục ở mỗi tỉnh có nhiệm vụ kiểm sát việc thực hành chức vụ của các hiệu trưởng, giáo sư và giáo viên trong tỉnh và chỉ kiểm sát về mặt hành chính, còn về mặt chuyên môn, nghĩa là việc áp dụng chương trình học thì sự kiểm sát do các thanh tra học chính đảm đương26.

Muốn xóa nạn mù chữ cho nhân dân, đặc biệt là nông dân, Phong trào Bình dân học vụ phải trở thành một phong trào quần chúng rộng rãi; người dạy phải đi sát người học, động viên người học; đồng thời áp dụng những hình thức và phương pháp thích hợp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra cách học đơn giản nhưng hiệu quả: “Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ (...). Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo, người ăn người làm không biết thì chủ nhà bảo, các người giàu có thì mở lớp học ở tư gia dạy cho những người không biết chữ ở hàng xóm láng giềng, các chủ ấp, chủ đồn điền, chủ hầm mỏ, nhà máy thì mở lớp học cho những tá điền, những người làm của mình”27*.*Ngày 8-10-1945, đến dự buổi khai giảng lớp Huấn luyện cán bộ Bình dân học vụ đầu tiên mang tên Hồ Chí Minh tại Hà Nội, Người nêu khẩu hiệu: “Chống nạn thất học cũng như nạn ngoại xâm”.

Về đội ngũ giáo viên, với phương châm “Người biết bảo cho người chưa biết, người biết nhiều bảo cho người biết ít”, những người tham gia dạy học không đặt thành ngạch giáo viên chống nạn mù chữ ở giai đoạn đầu của bình dân học vụ, mà bất kỳ ai hễ biết chữ là có thể làm giáo viên bình dân học vụ và chỉ dạy 2 giờ mỗi ngày vào buổi trưa hoặc buổi tối ngoài công việc của họ, nên họ sẵn sàng dạy không nhận lương. Họ dạy học, họ cổ động viên, họ làm trường, họ tìm kiếm học cụ và làm tất cả mọi việc vì bình dân học vụ. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn giáo viên giảng dạy lớp bình dân học vụ: “Anh chị em chịu cực khổ khó nhọc, hy sinh phấn đấu, để mở mang tri thức phổ thông cho đồng bào, để xây đắp nền văn hoá sơ bộ cho dân tộc”28. Người ghi nhận những đóng góp của các giáo viên dạy mù chữ gọi họ là những người “vô danh anh hùng”: “Anh chị em làm việc mà không có lương bổng, thành công mà không có tiếng tăm. Anh chị em là những người “vô danh anh hùng”. Tuy là vô danh nhưng rất hữu ích. Một phần tương lai của dân tộc nước nhà nằm trong sự cố gắng của anh chị em”29; “Thế là làm tròn một nhiệm vụ thiêng liêng của mình đối với Tổ quốc”30.

Thực hiện phương châm đó, chỉ trong vòng 1 năm (từ ngày 8-9-1945 đến ngày 8-9-1946), đã có 9,5 vạn người xung phong làm giáo viên (nhiều hơn 50 lần số người mà Hội Truyền bá chữ Quốc ngữ dạy được trong 7 năm dưới sự kìm hãm của thực dân Pháp)31.

Để huấn luyện các "chiến sĩ diệt giặc dốt", Nha Bình dân học vụ mở 3 lớp huấn luyện, lớp đầu tiên lấy tên là khóa "Hồ Chí Minh" có 82 người tham dự là những nhà sư phạm, những ủy viên giáo dục và nhiều người là trung kiên cốt cán của Hội Truyền bá chữ Quốc ngữ ở khắp các tỉnh Bắc Bộ. Lớp học khai giảng ngày 9-10-1945, có các Bộ trưởng, Thứ trưởng tham dự; Ở Trung Bộ, mở khóa "Phan Thanh" từ ngày 15 đến 24-11-1945, có 67 người tham dự; Thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc mở lớp huấn luyện cán bộ bình dân học vụ cho các đại biểu dân tộc thiểu số, từ ngày 25-6 đến 27-7-1946, tại Hà Nội mở khóa "Đoàn kết" với sự tham gia của  75 người của 14 dân tộc ít người thuộc các tỉnh miền núi Bắc Bộ và Trung Bộ32.

Những cán bộ do Nha Bình dân học vụ Trung ương đào tạo ở 3 khóa trên là những người đầu tiên đặt nền móng cho Phong trào Bình dân học vụ. Từ đây đội ngũ các "chiến sĩ diệt giặc dốt" ngày càng được mở rộng, họ tỏa đi khắp các địa phương vận động quần chúng tích cực học chữ.

Nha Bình dân học vụ tổ chức in ấn các sách *Vần quốc ngữ, Phương pháp dạy vần quốc ngữ, Sách tập đọc lớp sơ cấp bình dân*... phục vụ cho các lớp bình dân học vụ. Với chủ trương thành lập Tủ sách dân chúng, biên soạn những loại sách kiến thức phổ thông, phục vụ cách mạng và đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Trong 8 tháng, 34 quyển sách giáo khoa đã được in thành 2,5 triệu bản33.

Về học viên tham gia lớp học: đủ mọi lứa tuổi, mọi thành phần: từ cụ già cho tới em nhỏ, từ anh kéo xe đển chị hàng xén, từ nông dân, công nhân đến các thành phần lao động khác ... lại có những lớp học dành riêng cho những người già gọi là “lớp của những người đeo kính”; có những lớp trong các sư sãi, trong nhà giam; có những lớp tư gia mà chủ nhà là giảng viên bên cạnh những lớp công cộng do cán bộ hay nhân dân mở.

Nha Bình dân học vụ đã mở các lớp học bình dân cho thợ thuyền và nông dân, khẳng định việc học chữ là bắt buộc và không mất tiền đối với mọi người. Đồng thời, Nha Bình dân học vụ hướng dẫn các địa phương vận động quần chúng đi dạy, đi học, hướng dẫn các thôn làng làm thống kê số người chưa biết chữ, chia 3 lứa tuổi: 8 - 15 tuổi, 16 - 45 tuổi, 46 tuổi trở lên, dành các khóa đầu cho lứa tuổi 16 - 45. Từ tháng 11-1945, chiến dịch diệt dốt bắt đầu phát động với khóa học bình dân học vụ chính thức đầu tiên được mở đã kéo dài trong 3 tháng và liên tục tiếp theo sau đó là các khóa học kéo dài đến ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946). “Ở các tỉnh miền núi phía Bắc, anh chị em tối đến đốt đuốc đi bộ từ 2 - 3 km xuyên rừng, lội suối đến lớp học”34. Người người đi học, nhà nhà thành lớp. Ban ngày bận sản xuất thì học ban đêm, tranh thủ học và giúp nhau học cả giữa giờ nghỉ sản xuất, học lúc đi dân công.

Về cách học, thay vì cách học cổ truyền là "đánh vần từng chữ", dạy chữ cái theo thứ tự a, b, c rồi vần bằng, vần trắc, bình dân học vụ tiếp nối Hội Truyền bá quốc ngữ, sử dụng phương pháp "đọc lên thành tiếng". Những chữ cái và vần được sửa đổi là bật lên thành tiếng một cách hợp lý. Người dạy sáng tác những câu hát, ví von để người học dễ nhớ và nhớ lâu, như: "I, T giống móc cả hai/ I ngắn có chấm, (t) tờ dài có ngang".

 Nha Bình dân học vụ in hàng chục nghìn cuốn sách tóm tắt phương pháp giảng dạy để phổ biến cho bất cứ ai biết chữ và muốn dạy lại đồng bào. *Dạy xóa mù theo phương pháp dạy bài thơ hay bài hát đơn giản cho người học thuộc trước câu thơ hay câu hát đó, rồi mới phân ra từng chữ theo các câu. Với cách dạy này, chỉ sau 3 tuần là  người học biết được 24 chữ cái và ghép vần để đọc.*

Về học cụ, học phẩm và địa điểm học tập: nếu thiếu giấy thiếu bảng thì có lá chuối, sàn gạch, bãi cát, cánh cửa, lưng trâu…; nếu thiếu bút thì có que tre, gạch non, than củi, vôi trắng…; nếu thiếu mực viết thì đã có nước các quả dại ở bờ ao, khe suối…; nếu thiếu dầu đèn đã có nhựa trám, đuốc cà bong… Địa điểm học tập: bất cứ ở nơi nào: đồng ruộng, bến sông, đình làng, quán chợ, dưới bóng cây, trên đường hành quân, đền chùa… cứ thế, Phong trào Bình dân học vụ trở thành phong trào sinh động, phong phú, nhiều sáng tạo vởi sự đồng lòng của toàn dân.

Nha Bình dân học vụ còn thực hiện công tác tuyên truyền cổ động rất khéo léo và có hiệu quả như ngoài những hình thức mít tinh, biểu tình, tuần hành mang mô hình giấy bút… còn có các đội văn nghệ biểu diễn những tiết mục với nội dung khuyến khích nhân dân đi học. Có những tuần lễ cổ động xuất hiện những hình thức khảo chữ ở đầu đường, cổng chợ…

Nhiều nơi còn sử dụng những hình thức kiên quyết hơn, đó là việc kiểm soát chữ. Ai đi qua, đi lại những nơi có trạm kiểm soát chữ đều phải đứng lại để giáo viên bình dân học vụ hỏi nếu biết chữ thì cho đi qua, không biết chữ thì vào lớp học ở bên cạnh học vắn tắt. Hoặc có nơi dựng 2 cổng, một cổng cao, đẹp để cho người biết chữ đi qua, một cổng thấp, hẹp, sát mặt đất để người mù chữ thì phải bò mà chui qua35.

Thực hiện chủ trương của Đảng và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước dấy lên phong trào thi đua sản xuất đi đôi với xóa nạn mù chữ, học bình dân học vụ. Cả nước Việt Nam trở thành một trường học lớn, ai ai cũng coi việc đi học bình dân học vụ là một hành động yêu nước. Sau hơn một năm phát động, đến ngày 8-9-1946, cả nước đã có thêm 2.520.600 người biết đọc, biết viết; đã có 75.806 lớp học được mở với sự tham gia của 97.664 người dạy học36, cung cấp cho phong trào 2.500.000 cuốn sách. Chỉ trong vòng một năm, có 3 triệu người đã biết chữ trong tổng số 15 triệu người mù chữ lúc bấy giờ37.

Ở Bắc Bộ, nhiều địa phương đã thanh toán nạn mù chữ. Các huyện miền núi như Kỷ Sơn (Hòa Bình), Lạc Thủy (Hà Nam) tuy phong trào bắt đầu chậm, nhưng cũng đã thanh toán nạn mù chữ38.

Ở tỉnh Nghệ An, đến tháng 3-1946, có 2.200 lớp học bình dân với 7.780 giáo viên và 31.369 học sinh. Nhiều địa phương điển hình trong phong trào xóa nạn mù chữ được biểu dương khen ngợi. Huyện Diễn Châu, tính đến cuối năm 1946, có hơn 80% dân số biết đọc, biết viết; trong đó xã Diễn Minh trở thành xã thanh toán nạn mù chữ đầu tiên ở Trung Bộ39.

Ở vùng tự do Liên khu V, đến tháng 9-1946, đã có 314.557 người học xong lớp "thanh toán mù chữ". Tỉnh Phú Yên, tiếp giáp với mặt trận Khánh Hòa, có tới 71.560 người biết đọc, biết viết. Nếu tính riêng năm 1946, toàn vùng tự do đã có 207.801 người biết chữ40.

Ở Nam Bộ, trong điều kiện chiến tranh gian khổ và khắc nghiệt: trường lớp bị càn quét, đốt phá nhưng thầy, trò vẫn dạy và học. Hưởng ứng lời kêu gọi “chống giặc dốt” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn thể nhân dân Nam Bộ đều coi việc đi học bình dân học vụ là một hành động yêu nước. Phong trào xóa mù chữ cũng nhanh chóng được hình thành và phát triển.

Phong trào Bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ không những giúp cho hàng ngàn người biết đọc, biết viết, nâng cao hiểu biết về cách mạng, trau dồi nhiệt tình, đạo đức cách mạng, động viên nhân dân tham gia vào công cuộc kháng chiến ở địa phương, đồng thời trở thành hình ảnh sinh động của chế độ mới, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với cuộc kháng chiến thực dân Pháp xâm lược.

Phong trào Bình dân học vụ (1945-1946) đã nhanh chóng trở thành một phong trào sôi nổi, rộng khắp, lôi cuốn đông đảo học viên, cán bộ, giáo viên bình dân học vụ vào mặt trận chống giặc dốt và giặc ngoại xâm. Những kết quả đạt được tuy mới chỉ là bước đầu, song có ý nghĩa vô cùng to lớn, khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh; đồng thời thể hiện tinh thần yêu nước, sự đoàn kết, đồng lòng của toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền nhân dân, bảo vệ nền độc lập dân tộc vừa mới giành được từ tay đế quốc thực dân. Qua đó giáo dục nhân dân tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc, ý chí phấn đấu vươn lên để trở thành những công dân có ích, phụng sự cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của quốc gia, dân tộc.

**Câu 3 (10 điểm): Trình bày khái quát về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Trà Vinh trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược giai đoạn 1954 - 1975.**

Trong kháng chiến chống Mỹ, Trà Vinh là một địa bàn tranh chấp gay gắt, ác liệt, Mỹ - Ngụy đã dùng mọi phương tiện chiến tranh hiện đại cả bom napan, chất độc hóa học, pháo đài bay B52... để hủy hoại con người và sự sống; chúng dùng mọi thủ đoạn thâm độc như: xây dựng ấp chiến lược, khu trù mật, đóng đồn, chiếm đất, gom dân, đôn quân, bắt lính, tù đày, tra tấn, bắn giết những người yêu nước. Đặc biệt, chúng tìm mọi cách để gây mâu thuẫn, chia rẽ dân tộc, tôn giáo, chia rẽ giữa quần chúng nhân dân với cách mạng... nhằm đè bẹp ý chí đấu tranh của Nhân dân ta. 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, mỗi xóm làng, mỗi gia đình ở Trà Vinh đều bị Mỹ - Ngụy gây tội ác, gây mất mát, đau thương, vợ phải xa chồng, con phải mất cha; ruộng vườn bị tàn phá, môi trường sống bị hủy hoại.

Với sự lãnh đạo của Đảng bộ, vai trò tập hợp đoàn kết của Mặt trận dân tộc giải phóng và các đoàn thể, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết một lòng, tin tưởng và đi theo Đảng làm cách mạng; trong các tổ chức của Đảng, của Mặt trận, đoàn thể, trong lực lượng vũ trang,... có đầy đủ các tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo. Trong các cuộc đấu tranh chính trị, hàng vạn đồng bào Kinh - Khmer - Hoa luôn sát cánh bên nhau.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chúng ta đã huy động trên 180.000 lực lượng quần chúng Kinh - Khmer - Hoa nổi dậy đấu tranh chính trị và tham gia phục vụ chiến đấu (trong đó có trên 25.000 người ở thị xã Trà Vinh và 3.000 sư sãi) (Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh: Lịch sử tỉnh Trà Vinh tập 3 (1954 - 1975), năm 2005 trang 322). Đặc biệt, trong buổi sáng ngày 30/4/1975, ta đã vận động được 5 vị sư, trong đó có sư Đa Ra trực tiếp vào Tòa hành chính ngụy kêu gọi tên Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Sơn đầu hàng và đưa hắn ra chùa Phướng gặp cách mạng để viết lời kêu gọi lực lượng ngụy quân, ngụy quyền trong tỉnh đầu hàng.

**Câu 4 (05 điểm): Tính đến năm 2025 tỉnh Trà Vinh có bao nhiêu tập thể và cá nhân được phong tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang; Anh hùng lao động và Bà Mẹ Việt Nam anh hùng? Hãy giới thiệu về một tập thể hoặc một cá nhân Anh hùng mà anh (chị) tâm đắc nhất?**

**Câu 5 (10 điểm): Anh (chị) nêu cảm nhận về Chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975 tại Trà Vinh góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Liên hệ trách nhiệm của bản thân trong góp phần xây dựng tỉnh Trà Vinh ngày càng phát triển trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.**

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 là một cột mốc chói lọi trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ thực dân mới do đế quốc Mỹ dựng lên, kết thúc hơn 20 năm chiến tranh gian khổ và mở ra một trang sử mới cho dân tộc. Đây không chỉ là một chiến thắng quân sự đơn thuần, mà còn là thắng lợi của ý chí kiên cường, lòng yêu nước và khát vọng độc lập, tự do của cả dân tộc Việt Nam.

Chiến thắng 30/4 không chỉ mang lại sự thống nhất lãnh thổ, mà còn khẳng định tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam trước mọi kẻ thù xâm lược. Hơn hai mươi năm chiến đấu chống Mỹ, nhân dân ta đã trải qua biết bao đau thương, mất mát, nhưng cũng thể hiện được lòng yêu nước nồng nàn, sự đoàn kết và quyết tâm sắt đá trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Chiến thắng này không chỉ là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam mà còn có ý nghĩa to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới. Nó chứng minh rằng một đất nước nhỏ bé nhưng có ý chí kiên cường hoàn toàn có thể đánh bại những thế lực xâm lược hùng mạnh. Việt Nam đã trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền cảm hứng cho nhiều quốc gia khác trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

Để có được ngày chiến thắng vẻ vang ấy, biết bao thế hệ cha anh đã ngã xuống, biết bao gia đình phải chịu cảnh ly tán, đau thương. Những trận đánh ác liệt ở Thành cổ Quảng Trị, Đường 9 - Khe Sanh, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã viết nên những trang sử oai hùng, ghi dấu sự hy sinh cao cả của những người con đất Việt.

Không chỉ những người trực tiếp cầm súng chiến đấu, mà cả những người dân ở hậu phương cũng góp phần quan trọng vào chiến thắng. Những bà mẹ Việt Nam anh hùng, những người phụ nữ tảo tần nuôi quân, những em nhỏ nhường cơm sẻ áo cho bộ đội… tất cả đã tạo nên một hậu phương vững chắc, tiếp thêm sức mạnh cho tiền tuyến. Sự đồng lòng, chung sức của toàn dân tộc đã làm nên một chiến thắng mang tầm vóc lịch sử.

Tinh thần chiến thắng trong thời đại mớiChiến thắng 30/4 là bài học quý báu về sức mạnh của lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và ý chí kiên cường. Dù chiến tranh đã lùi xa, nhưng tinh thần ấy vẫn luôn sống mãi trong lòng mỗi người dân Việt Nam. Ngày nay, đất nước ta đang bước vào giai đoạn phát triển và hội nhập, nhưng vẫn không quên quá khứ hào hùng của cha ông.

Tinh thần chiến thắng 30/4 tiếp tục là động lực để thế hệ trẻ hôm nay phấn đấu học tập, lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta không chỉ tự hào về quá khứ, mà còn có trách nhiệm phát huy tinh thần ấy trong công cuộc xây dựng một đất nước giàu mạnh, văn minh.

Chiến thắng 30/4 là niềm tự hào của toàn dân tộc Việt Nam, là minh chứng cho sức mạnh đoàn kết và lòng yêu nước sâu sắc. Những hy sinh và công lao của thế hệ đi trước sẽ mãi là bài học quý giá để thế hệ hôm nay và mai sau tiếp tục gìn giữ và phát huy. Kỷ niệm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước không chỉ là dịp để nhìn lại quá khứ hào hùng, mà còn là cơ hội để mỗi người Việt Nam tự nhắc nhở mình về trách nhiệm với Tổ quốc, chung tay xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, vững mạnh.

**Câu 6 (10 điểm): Trình bày sự hiểu biết của anh (chị) về vai trò hạt nhân lãnh đạo của Tỉnh ủy Trà Vinh qua 95 năm lãnh đạo Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh phát triển.**

Tỉnh ủy Trà Vinh giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo xuyên suốt trong quá trình xây dựng và phát triển của Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh suốt 95 năm qua. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Trà Vinh đã kiên cường đấu tranh giành độc lập, vượt qua những giai đoạn khó khăn trong kháng chiến chống thực dân, đế quốc, và từng bước xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

Trong thời kỳ đổi mới, Tỉnh ủy đã đề ra các chủ trương, chính sách phù hợp với điều kiện địa phương, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát huy thế mạnh về nông nghiệp và thủy sản, thu hút đầu tư, cải thiện cơ sở hạ tầng và nâng cao đời sống Nhân dân.

Đồng thời, Tỉnh ủy luôn chú trọng công tác xây dựng Đảng, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo quốc phòng – an ninh, giữ vững ổn định chính trị, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững. Với vai trò hạt nhân lãnh đạo, Tỉnh ủy Trà Vinh đã và đang tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, đưa địa phương vươn lên, hội nhập và phát triển toàn diện, đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân.

**Câu 7 (10 điểm): Nêu khái quát thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trà Vinh 50 năm sau ngày đất nước thống nhất? Hãy cho biết sự kiện tiêu biểu nào mà anh (chị) tâm đắc nhất? Vì sao?**

Năm 2024, tỉnh Trà Vinh ghi nhận nhiều kết quả tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp. Dưới sự lãnh đạo của UBND tỉnh cùng sự nỗ lực của các sở, ban, ngành và người dân, kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt được những bước tiến vững chắc, thể hiện qua các chỉ số tăng trưởng, cơ cấu kinh tế và cải thiện đời sống xã hội.

Theo báo cáo của Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước tính tăng 10,04% so với năm 2023. Tất cả các khu vực kinh tế đều có sự tăng trưởng. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,15%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 20,23%, trở thành động lực chính của tăng trưởng; khu vực dịch vụ tăng 6,46%. Quy mô GRDP của tỉnh đạt 96.623 tỷ đồng, trong đó GRDP bình quân đầu người đạt 94,37 triệu đồng, tăng 12,04 triệu đồng so với năm 2023.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định với diện tích lúa gieo trồng đạt hơn 202.000 ha, sản lượng lúa tăng gần 4% so với năm 2023, đạt hơn 1,15 triệu tấn. Nhờ thời tiết thuận lợi và giá cả ổn định, người dân tích cực đầu tư chăm sóc cây trồng, góp phần nâng cao năng suất. Đặc biệt, ngành chăn nuôi cũng tăng trưởng mạnh với đàn heo tăng 24,54%, đạt hơn 315.000 con. Trong lĩnh vực thủy sản, sản lượng ước đạt 239.080 tấn, tăng 3,37% so với năm trước, nhờ sự mở rộng diện tích nuôi thâm canh mật độ cao, đặc biệt là nuôi tôm thẻ chân trắng.

Ngành công nghiệp của Trà Vinh năm 2024 phát triển vượt bậc, với chỉ số sản xuất tăng 39,28% so với năm trước. Ngành sản xuất và phân phối điện có mức tăng trưởng ấn tượng 50,17%, nhờ sự hoạt động ổn định của các nhà máy nhiệt điện. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cũng ghi nhận sự phục hồi và tăng trưởng tích cực, đặc biệt trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, sản xuất giày da và các sản phẩm cao su.

Khu vực dịch vụ của tỉnh trong năm 2024 tiếp tục phát triển mạnh mẽ, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 62.799 tỷ đồng, tăng 12,48% so với năm trước. Ngành bán lẻ hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng 17,68% nhờ sức mua gia tăng và giá cả hàng hóa ổn định. Tuy nhiên, ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 5,02%, do các chính sách kiểm tra nồng độ cồn khiến người dân hạn chế tổ chức các bữa tiệc ngoài gia đình.

Trong lĩnh vực đầu tư, tổng vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh năm 2024 đạt 34.073 tỷ đồng, tăng 6,44% so với năm 2023. Vốn đầu tư của khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỷ trọng lớn nhất với 67,52%, phản ánh sự tin tưởng của các doanh nghiệp vào môi trường đầu tư của tỉnh. Nhiều dự án trọng điểm được triển khai, bao gồm hạ tầng giao thông, các công trình thủy lợi và dự án phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Hoạt động văn hóa và thể thao của tỉnh năm 2024 cũng đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nhiều sự kiện văn hóa, lễ hội truyền thống đã được tổ chức thành công, nổi bật là Lễ hội Ok Om Bok, Tuần lễ Văn hóa - Du lịch gắn với Festival 100 năm Dừa sáp Trà Vinh. Những sự kiện này không chỉ góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống mà còn thu hút khách du lịch, quảng bá hình ảnh Trà Vinh đến bạn bè trong và ngoài nước.

Hoạt động thương mại và du lịch của tỉnh có nhiều chuyển biến đáng kể. Các hội chợ xúc tiến thương mại và sản phẩm OCOP được tổ chức thường xuyên, giúp kết nối sản phẩm địa phương với thị trường trong và ngoài nước. Du lịch sinh thái cộng đồng tại các điểm đến như Cồn Chim, Cồn Hô và Cồn Ông tiếp tục thu hút khách du lịch, cơ sở hạ tầng giao thông thuận lợi, giúp du khách thường chỉ tham quan trong ngày.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều hoạt động sôi nổi. Các giải đấu thể thao như bóng đá, cầu lông, điền kinh và bóng chuyền được tổ chức rộng khắp các huyện, thị xã và thành phố trong tỉnh, thu hút đông đảo người dân tham gia. Tỉnh cũng đạt được thành tích tốt tại các giải đấu cấp khu vực và toàn quốc, khẳng định vị thế trong lĩnh vực thể thao phong trào.

Lĩnh vực giáo dục trong năm 2024 tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực. Tỉnh đã chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, với tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt trên 80%. Công tác phổ cập giáo dục ở các cấp học được duy trì và nâng cao chất lượng, đặc biệt ở vùng nông thôn và các địa bàn khó khăn. Nhiều chương trình hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh dân tộc thiểu số tiếp tục được triển khai, giúp giảm tỷ lệ học sinh bỏ học và nâng cao cơ hội học tập

Về mặt xã hội, công tác giảm nghèo và an sinh xã hội được đẩy mạnh. Các chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn đạt được kết quả tích cực, với hàng ngàn căn nhà được xây dựng hoặc sửa chữa. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp tục giảm, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao.

Nhìn chung, năm 2024, tỉnh Trà Vinh đã đạt được những bước tiến vững chắc trong phát triển kinh tế - xã hội, với sự tăng trưởng ấn tượng trong các ngành kinh tế chủ lực và cải thiện đáng kể đời sống người dân. Với đà phát triển này, Trà Vinh hứa hẹn sẽ tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những địa phương năng động và phát triển bền vững trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 8 (10 điểm): Từ thực tiễn quá trình lao động, học tập và công tác của bản thân, anh (chị) hãy đề xuất những giải pháp mang tính đột phá, sáng tạo để thực hiện hiệu quả phương châm hành động của Tỉnh ủy “Đoàn kết - Kỷ cương - Hành động - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển".**

Để thực hiện hiệu quả phương châm hành động của Tỉnh ủy “Đoàn kết - Kỷ cương - Hành động - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển", cần có những giải pháp mang tính đột phá và sáng tạo. Trước hết, về Đoàn kết, cần xây dựng môi trường làm việc cởi mở, khuyến khích trao đổi ý kiến, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau, đồng thời phát triển văn hóa doanh nghiệp, tổ chức dựa trên sự đồng lòng, thống nhất.

Về Kỷ cương, cần tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý, giám sát công việc nhằm nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục đạo đức công vụ và văn hóa tuân thủ. Đối với Hành động, cần xác định rõ mục tiêu, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị, kèm theo cơ chế kiểm tra, đánh giá định kỳ để đảm bảo hiệu quả thực hiện. Về Sáng tạo, khuyến khích tư duy đổi mới thông qua các cuộc thi ý tưởng, khen thưởng sáng kiến có tính ứng dụng cao và tạo điều kiện thử nghiệm những mô hình mới trong thực tế.

Với Đột phá, tập trung cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục rườm rà, đẩy mạnh chuyển đổi số và áp dụng công nghệ tiên tiến vào các lĩnh vực then chốt. Cuối cùng, để Phát triển bền vững, cần có chiến lược dài hạn, ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng hiện đại, đồng thời tận dụng tốt các nguồn lực địa phương để thúc đẩy kinh tế - xã hội.

**Câu 9 (10 điểm): Hãy cho biết cách thức triển khai thực hiện, những kết quả, hiệu quả đạt được qua thực hiện mô hình “Phát huy tài dân, sức dân - lợi cho dân” (theo Kế hoạch số 148-KH/TU, ngày 06/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy), tại địa phương anh (chị) công tác, sinh sống?**

Để mô hình đạt hiệu quả cao nhất, Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt triển khai, quán triệt mô hình; xác định nội dung trọng tâm của mô hình, trong đó chú trọng những nội dung gần đời sống người dân; lắng nghe, tôn trọng ý kiến chính đáng của Nhân dân... để tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện. Đồng thời, chọn Đảng bộ thị trấn Cầu Ngang và Đảng bộ xã Hiệp Hòa làm điểm chỉ đạo của huyện; chỉ đạo Đảng ủy các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch, chọn chi bộ ấp, khóm làm điểm chỉ đạo tại địa phương; định kỳ hàng tháng, Đảng ủy xã, thị trấn tổ chức cuộc họp tại 01 chi bộ ấp, khóm để đánh giá kết quả thực hiện mô hình; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đối với việc thực hiện mô hình; giao Ban Tuyên giáo Huyện ủy chịu trách nhiệm hướng dẫn đảng bộ các xã, thị trấn tổ chức hội nghị thực hiện mô hình; đồng thời phải phân công lãnh đạo Ban dự tất cả các cuộc hội nghị được chọn làm điểm ở tất cả các đảng bộ trực thuộc để qua đó kịp thời đánh giá, chấn chỉnh những đơn vị tổ chức chưa nghiêm túc; từng hội nghị điểm phải được chú trọng việc rút kinh nghiệm, làm cơ sở tham mưu Ban Thường vụ Huyện ủy nắm, chỉ đạo để ngày càng hoàn thiện trong khâu tổ chức hội nghị và giải quyết các vấn đề mà quần chúng nhân dân quan tâm.

Để người dân nắm rõ hơn về nội dung, cách thức, phương pháp thực hiện mô hình, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện tăng cường công tác tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú như: Triển khai lồng ghép vào sinh hoạt chi bộ, cơ quan, đoàn thể; qua Trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh của địa phương, các trang, nhóm mạng xã hội do cơ quan, đơn vị tạo lập... thông qua đó để người dân biết mục đích, ý nghĩa của mô hình; đồng thời hưởng ứng và phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền trong việc thực hiện mô hình tại địa phương nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, định kỳ hàng tháng, Đảng ủy các xã, thị trấn chọn 01 chi bộ ấp, khóm để tổ chức hội nghị đánh giá việc triển khai thực hiện mô hình. Kết quả đến nay, có 13/15 xã, thị trấn tổ chức được 13 cuộc hội nghị, mỗi cuộc có khoảng 40 cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân tham dự (trong đó có 02 cuộc điểm của huyện). Tại các cuộc họp, lãnh đạo Đảng ủy, UBND xã, thị trấn đã cung cấp những thông tin cần thiết, những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, những quy định pháp luật,... có liên quan mật thiết đến đời sống thường ngày của người dân địa phương để người dân nắm; tại các cuộc hội nghị đã có 57 ý kiến của người dân phản ánh, kiến nghị xoay quanh các vấn đề bức xúc của đoàn viên, hội viên và Nhân dân liên quan đến các lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; giải quyết các vấn đề tranh chấp của người dân trên lĩnh vực đất đai; về quy hoạch, giao thông nông thôn, hệ thống thoát nước; tình trạng các mặt hàng nông sản giá cả không ổn định gây nhiều khó khăn cho đời sống người dân; tình hình an ninh trật tự, tệ nạn xã hội; vận động người dân tham gia xây dựng nông thôn mới... Các phản ánh, kiến nghị, đề xuất của đại biểu đã được lãnh đạo các xã, thị trấn lắng nghe, trả lời thỏa đáng, với trên 50 ý kiến; còn lại các ý kiến khác được đề xuất với cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp giải quyết, xử lý theo thẩm quyền.

Nhìn chung, việc tổ chức hội nghị thực hiện mô hình “Phát huy tài dân, sức dân - lợi cho dân” trên địa bàn huyện được triển khai thực hiện nghiêm túc, thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương theo đúng yêu cầu chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đặc biệt, với việc triển khai có hiệu quả mô hình cho thấy vai trò, trách nhiệm của người dân được nâng lên đáng kể, những ý kiến đóng góp mang tính xây dựng, phát huy quyền làm chủ, quyền tự do, quyền hưởng lợi từng bước được rõ nét. Đồng thời, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền ở địa phương trong nắm sát, giải quyết các vấn đề, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, qua đó, thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Thông qua các cuộc hội nghị, hiện các địa phương đã hạn chế tình trạng khiếu nại, khiếu kiện vượt cấp, không có điểm nóng gây mất an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Hầu hết cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận rất cao với mô hình và cho đây là kênh thông tin, trao đổi giữa cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở với người dân. Từ đó, tạo ra mối quan hệ mật thiết giữa cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở với Nhân dân, tạo được niềm tin của Nhân dân với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, góp phần xây dựng huyện Cầu Ngang ngày càng phát triển.

**Câu 10 (10 điểm): Anh (chị) hãy đề xuất những ý tưởng mới, mang tính sáng tạo, đột phá chiến lược về lĩnh vực mà anh (chị) quan tâm và cho là cấp thiết nhất trong giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.**

Lĩnh vực tôi quan tâm nhất là đầu tư tài chính, đặc biệt là quỹ đầu tư và chứng chỉ quỹ – công cụ giúp tối ưu hóa dòng vốn, tạo cơ hội tăng trưởng bền vững cho nền kinh tế. Để nâng cao hiệu quả đầu tư trong bối cảnh thị trường ngày càng biến động, tôi đề xuất các ý tưởng mang tính đột phá sau:

**Xây dựng hệ sinh thái đầu tư tài chính thông minh ứng dụng AI & Blockchain**

Phát triển nền tảng đầu tư ứng dụng AI để phân tích dữ liệu lớn, dự báo xu hướng thị trường và tối ưu hóa danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư cá nhân.

Ứng dụng Blockchain vào việc quản lý chứng chỉ quỹ, giúp tăng tính minh bạch, bảo mật và giảm thiểu rủi ro gian lận.

Xây dựng hệ sinh thái tài chính số, nơi nhà đầu tư có thể giao dịch, theo dõi hiệu suất quỹ theo thời gian thực và nhận tư vấn cá nhân hóa từ AI.

**Phát triển Quỹ đầu tư xanh và bền vững (Green Investment Fund - GIF)**

Tạo ra các chứng chỉ quỹ xanh, tập trung vào các dự án năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn và công nghệ sạch, góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2050.

Hợp tác với doanh nghiệp để phát hành trái phiếu xanh, giúp huy động vốn từ nhà đầu tư cho các dự án thân thiện với môi trường.

**Đẩy mạnh tài chính vi mô & đầu tư cộng đồng thông qua nền tảng số**

Xây dựng hệ thống tài chính vi mô trên nền tảng số giúp người dân, đặc biệt là khu vực nông thôn, tiếp cận vốn dễ dàng hơn.

Phát triển mô hình đầu tư cộng đồng (crowdfunding), nơi nhà đầu tư nhỏ lẻ có thể góp vốn vào các dự án tiềm năng với mức đầu tư linh hoạt.

**Tăng cường giáo dục tài chính và ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR/AR) vào đào tạo đầu tư**

Xây dựng các chương trình đào tạo tài chính ứng dụng VR/AR, giúp người dân, đặc biệt là giới trẻ, hiểu rõ hơn về đầu tư, rủi ro và chiến lược tài chính.

Phát triển ứng dụng mô phỏng đầu tư theo thời gian thực, nơi người dùng có thể thử nghiệm chiến lược đầu tư mà không gặp rủi ro thực tế.